

**TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC DỰ ÁN DO CÁC PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
DO ĐỒNG CHÍ PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**

(Kèm theo Văn bản số 1080/BQL-KHTC ngày 12/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

STT	Phó giám đốc	Kế hoạch vốn năm 2026	Kết quả giải ngân tính đến 30/4/2026		Kết quả giải ngân tính đến 31/5/2026		...	Kết quả giải ngân tính đến 31/12/2026		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)		Tổng số	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Quang Minh	6.786.790	551.149	8,12						
2	Đặng Hữu Trường	950.195	-	0,00						
3	Nguyễn Thái Hòa	1.350.525	1.067	0,08						
4	Lê Việt Hưng	615.005	21.070	3,43						
5	Tổng Đức Long	677.639	164.907	24,34						
6	Nguyễn Hoàng Anh	665.548	-	0,00						
7	Nguyễn Quang Vinh	807.651	18.025	2,23						
8	Nguyễn Mạnh Thùy	1.196.989	52.625	4,40						
	Tổng cộng	13.050.343	808.842	6,20	-			-		

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC DỰ ÁN DO ĐỒNG CHÍ PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG MINH PHỤ TRÁCH

(Không bao gồm các dự án đã quyết toán, số liệu tính đến ngày 30/4/2026)

(Kèm theo Văn bản số 1020/QL-KHTC ngày 10/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lấy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo					Phòng phụ trách	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
											Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)		
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG				20 237 386	15 372 386	6 786 790	4 783 040	2 003 750	551 149			551 149	27,51		
1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				20 237 386	15 372 386	6 786 790	4 783 040	2 003 750	551 149			551 149	219		
*	Dự án đang triển khai															
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh Ninh Bình	8041913	2024-2026	779/QĐ-UBND 16/9/2024; 299/QĐ-UBND 05/3/2025	6 865 000	2 000 000	2 773 908	902 158	1 871 750	432 367			432 367	23,10	Dự án Giao thông 2	
2	Dự án Xây dựng tuyến đường kết nối liên vùng giữa Nam đồng bằng sông Hồng với vùng núi Tây Bắc và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ (giai đoạn I)	8160871	2025-2028	24/NQ-HĐND ngày 27/3/2025; 868/QĐ-UBND ngày 01/10/2025	6 939 000	6 939 000	3 091 582	2 991 582	100 000	99 530			99 530	99,5	Dự án Giao thông 1	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh ĐT.483B (đoạn nối từ nút giao Khánh Hoà tới cầu Co) (giai đoạn I)	8160873	2025-2027	975/QĐ-UBND ngày 11/10/2025	1 171 530	1 171 530	909 300	889 300	20 000	19 251			19 251	96,3	Dự án Giao thông 1	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư															
1	Dự án Nâng cấp tuyến đường trục Thạch La - Đầm Rừng, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan		2025-2027	674/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; 2078/QĐ-UB 30/12/2025	150 000	150 000	1 000		1 000						-	Dự án Giao thông 1
2	Dự án: ĐTXD cấp bách các cầu: Cầu Khang Thượng trên tuyến đường tỉnh ĐT.483, cầu Âu trên tuyến đường tỉnh ĐT.481B, cầu Đề trên tuyến đường tỉnh ĐT.477 và mở rộng cầu vượt đường sắt Ninh Phong trên tuyến đường Lê Duẩn, TP. Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình		2025-2028	679/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	713 856	713 856	1 000		1 000						-	Dự án Giao thông 1
3	Dự án xây dựng tuyến đường nối Hoa Lư với Trục dọc 07 (TD07)		2025-2029	16/NQ-HĐND 18/9/2025	4 398 000	4 398 000	10 000		10 000						-	Dự án Giao thông 1

(Không bao gồm các dự án đã quyết toán, số liệu tính đến ngày 30/4/2026)
(Kèm theo Văn bản số 108/BQL-KHTC ngày 12/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

Phòng ph

Ghi chú

ĐVT: triệu đồng																	
TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026				Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo					Phòng phụ trách	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026						
											KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026				
											Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)			
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13	14	15	
	TỔNG CỘNG				10 865 681	10 065 681	950 195	685 195	265 000					-			
1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				10 865 681	10 065 681	950 195	685 195	265 000					-			
*	Dự án chuẩn bị đầu tư																
	Dự án Xây dựng tuyến đường phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế rừng kết hợp du lịch, xã Quỳnh Lưu, xã Sơn Hà, xã Phú Long		2025-2027	675/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	120 000	120 000	1 000		1 000					-	Dự án Giao thông 1		
*	Dự án đang triển khai																
	Chưa thi công																
1	Dự án Xây dựng, nâng cấp mở rộng đường ĐT.477 (đoạn từ Km1+500 đến tuyến tránh Quốc lộ 12B xã Đồng Phong, huyện Nho Quan); xây dựng cầu Hoàng Long và đường dẫn trên tuyến ĐT.477C		2025- 2029	65/NQ-HĐND ngày 22/6/2025; 2168/QĐ-UB 31/12/2025	6 975 000	6 975 000	655 000	654 000	1 000					-	Ban điều hành		
2	Xây dựng tuyến đường Đinh Tiên Hoàng, đoạn nối từ cầu Chà Lả đến đường Lê Hồng Phong, thành phố Hoa Lư	8160864	2025-2028	809/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	1 656 522	1 656 522	200 000		200 000					-	Ban điều hành		
	Đang thi công																
1	Xây dựng tuyến đường Đồng - Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	7916685	2022-2026	1190/QĐ-UBND ngày 29/10/2021, 833/QĐ-UBND ngày 11/10/2023; 1113/QĐ-UBND ngày 13/12/2024.	1 913 754	1 113 754	30 000		30 000					-	Dự án Giao thông 2		
2	Kiên cố kênh kết hợp với đường cứu hộ, cứu nạn phía Tây Nam, Thị trấn Ninh	8028863	2023-2025	976/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	55 000	55 000	15 000		15 000					-	Dự án Giao thông 1		
3	Nâng cấp tuyến đường liên xã giáp sông Yên, huyện Kim Sơn	8081357	2023-2025	916/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	40 000	40 000	10 000		10 000					-	Dự án Giao thông 1		
4	Xây dựng tuyến đường Yên Bình, xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn	8081356	2023-2025	802/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	34 000	34 000	8 000		8 000					-	Dự án Giao thông 1		
5	Xây dựng cấp bách cầu Tiến, xã Khánh Hội	8028864	2023-2025	67/NQ-HĐ 26/4/2023; 1004/QĐ-UB 29/11/2023	46 405	46 405	14 995	14 995						-	Dự án Giao thông 2		
*	Dự án khó khăn vướng mắc																
	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ cứu nạn kết hợp giao thông từ Quốc lộ 10 đến đê tả sông Vạc (bờ kênh Bắc Hồ), xã Khánh Cư, huyện Yên Khánh	8056219	2023-2025	89/NQ-HĐ 12/7/2023; 1065/QĐ-UB 15/12/2023	25 000	25 000	16 200	16 200						-	Dự án Giao thông 1		

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC DỰ ÁN DO ĐỒNG CHÍ PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN THÁI HÒA PHỤ TRÁCH

(Không bao gồm các dự án đã quyết toán, số liệu tính đến ngày 30/4/2026)
(Kèm theo Văn bản số 400/BQL-KHTC ngày 12/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo					Phòng phụ trách	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026					
											Kế hoạch đầu tư công năm 2026					
										Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)			
A	B	1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG				4.169.586	3.839.729	1.350.525	1.000.525	350.000	1.067	-	-	1.067	0,71		
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				4 169 586	3 839 729	1 350 525	1 000 525	350 000	1 067			1 067	0,71		
*	Dự án đang triển khai thực hiện															
1	Xây dựng tuyến đường Bái Đình (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam), đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình (GĐ II)	7928617	2021-2026	22/NQ-HĐND ngày 12/5/2021; 692/QĐ-UBND ngày 16/8/2024	720 309	390 452	150 000		150 000	1 067			1 067	0,71	Dự án Giao thông 2	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.481B đoạn ngã ba Thông đến ngã tư Khánh Nhạc (giai đoạn I)	8111639	2024-2027	1101/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	280 000	280 000	80 000		80 000						Dự án Giao thông 2	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Nho quan - Tam Điệp (Quỳnh Lưu - Quốc lộ 38B - Yên Sơn) theo quy hoạch đường tỉnh ĐT.479 (giai đoạn I)	8111640	2024-2027	1091/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	150 000	150 000	54 126	4 126	50 000						Dự án Giao thông 2	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chính vào khu du lịch suối Kênh Gà và động Vân Trình (giai đoạn II)	7916686	2022-2026	1403/QĐ-UBND ngày 16/12/2021; số 957/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	403 936	403 936	40 000		40 000						Dự án Giao thông 2	
5	Dự án Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường Tam Cốc - Bích Động (đoạn từ Quốc lộ 1A đến chùa Bích Động), thành phố Hoa Lư		2025-2028	499/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	650 000	650 000	512 399	497 399	15 000						Dự án Giao thông 2	
6	Xây dựng cầu vượt sông Bôi phục vụ ứng cứu di dân và PTKT vùng phân lũ chậm lũ Nho Quan - Gia Viễn	7888802	2021-2026	931/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	118 727	118 727	8 000		8 000						Dự án Giao thông 2	
7	Đầu tư dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến Quốc lộ 10, đoạn từ ngã tư giao với đường Trần Nhân Tông đến nút giao với đường tỉnh ĐT.482G	8160869	2025-2028	976/QĐ-UBND ngày 11/10/2025	544 100	544 100	503 000	499 000	4 000						Dự án - Giao thông 2	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư															
1	Xây dựng mới cầu Tràng Km3+464, đường tỉnh ĐT.480C, tỉnh Ninh Bình		2025-2028	677/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	492 514	492 514	1 000		1 000						Dự án Giao thông 2	
2	Xây dựng tuyến đường kết nối đường du lịch Kênh Gà - Vân Trình và đường Đông - Tây trên địa bàn huyện Nho Quan		2025-2028	808/QĐ-UB 30/6/2025 (CTĐT); 1823/QĐ-UB 13/12/2025	600 000	600 000	1 000		1 000						Dự án Giao thông 2	
3	Dự án xây dựng tuyến đường T21 kéo dài (đoạn tiếp nối từ đường dẫn phía Tây cầu vượt sông Vân đến đường Nguyễn Minh Không), thành phố Hoa Lư.		2025-2027	3249/QĐ-UB 22/4/2025; 1834/QĐ-UB 15/12/2025	210 000	210 000	1 000		1 000						Dự án Giao thông 2	

(Kèm theo Văn bản số 100/BQL-KHTC ngày 12/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

Phòng phụ	Ghi chú
----------------------	----------------

Phòng phụ	Ghi chú
----------------------	----------------

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
											Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số			Tỉ lệ (%)
	Xây dựng đơn nguyên Khám chữa bệnh chất lượng cao của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	8092777	2024-2027	32/NQ-HĐ 07/6/2024; 990/QĐ-UB 08/11/2024	403 700	403 700	100 000		100 000	10 170			10 170	10,17	Dự án hạ tầng đô thị	
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				648 212	648 212	2 000		2 000					-		
*	Dự án chuẩn bị đầu tư															
1	Xây dựng Trường THPT Gia Viễn C đạt chuẩn quốc gia	8159731	2025-2028	670/QĐ-UB 25/6/2025	331 000	331 000	1 000		1 000						Dự án dân dụng	
2	Dự án Xây dựng Khu ký túc xá sinh viên tập trung tỉnh Ninh Bình (giai đoạn 2)	8161044	2025-2027	678/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	317 212	317 212	1 000		1 000						Dự án dân dụng	
VII	LĨNH VỰC VĂN HOÁ XÃ HỘI				1 590 000	1 590 000	1 000		1 000					-		
*	Dự án chuẩn bị đầu tư															
	Xây dựng tổ hợp Bảo tàng - Thư viện tỉnh Ninh Bình	8159487	2025-2028	608/QĐ-UB 19/6/2025	1 590 000	1 590 000	1 000		1 000						Dự án dân dụng	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026							
											Tổng cộng	KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			Tổng số
Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)													
1	Xây dựng trường mầm non phường Bích Đào, thành phố Ninh Bình	7954836		4944- 25/10/2022	101 000	101 000	1.353	1 353						Dự án dân dụng		
2	Xây dựng trường tiểu học, trung học cơ sở Nam Thành, Thành phố Ninh Bình	7909500		5405 29/12/2021	193 332	174 132	342	342						Dự án dân dụng		
3	Xây dựng trường mầm non Ninh nhất, xã Ninh Nhất	7957495		5062- 07/11/2022	71 000	71 000	580	580						Dự án dân dụng		
4	Nhà học 4 lớp và các hạng mục phụ trợ Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện.	8067801	2023- 2024	2857/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Hoa Lư	9 500	9 500	48	48						Dự án dân dụng		
5	Xây dựng nhà học 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Ninh Phong, phường Ninh Phong	7954843		5156 07/11/2022	28 800	28 800	387	387						Dự án dân dụng		
6	Cải tạo đường gom phía tây đường Lê Thánh Tông đoạn qua xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình	8031613		5792 07/11/2023	16 556	16 556	1.154	1 154						Dự án dân dụng		
7	Lát vỉa hè đường Hoa Lư từ trường THPT Hoa Lư A đến đường Trần Minh Công.	8069566	3/2023- 3/2025	Số 2590/QĐ-UBND ngày 14/12/2023; 1355 ngày 14/11/2024 của UBND huyện Hoa Lư	14 952	14 952	37	37						Dự án dân dụng		
8	Cải tạo vỉa hè đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Trịnh Tú đến cổng chào điện tử phía Bắc thành phố Ninh Bình)	7954828		4054-10/8/2022 5627-20/12/2024	47 000	47 000	860	860						Dự án dân dụng		
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tôn Đức Thắng, đoạn từ đường Trịnh Tú đến đường N1 (khu đô thị Ninh Khánh)	7947355		427-21/02/2022; 2480-10/6/2024.	84 873	84 873	546	546						Dự án dân dụng		
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phía Nam phố Đức Thế, phường Ninh phong	7927941		4388-12/9/2022; 5298-12/12/2024	70 503	70 503	566	566						Dự án dân dụng		
11	Cải tạo công viên Thuý Sơn, thành phố Ninh Bình	8031612		4583-01/11/2023; 3831-12/9/2024	24 900	24 900	112	112						Dự án dân dụng		
12	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp đá mỹ nghệ Ninh Vân (giai đoạn 1 và giai đoạn 2).	7885619	2021- 2025	Số 152, ngày 29/01/2021; số 1856, ngày 31/12/2021; số 1971, ngày 31/12/2022; số 2995, ngày 30/12/2023 của UBND huyện Hoa Lư	20 000	20 000	447	447						Dự án dân dụng		
13	Xây dựng CSHT khép kín khu dân cư thôn Nguyễn Xá, xã Ninh Nhất (khu vực lô đất K thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư mới phía Đông đường Nguyễn Minh Không)	7957492		3723- 22/7/2022	13 375	13 375	1.769	1 769						Dự án dân dụng		
14	Xử lý sạt trượt mái taluy đường núi Vải Giời, xã Ninh Hải.	8044877	11/2023 - 12/2024	2082 - 29/8/2023 của UBND huyện Hoa Lư	5 997	5 997	44	44						Dự án dân dụng		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo					Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
											Tổng số	Ti lệ (%)	Tổng số			Ti lệ (%)
15	Xử lý khẩn cấp sự cố đê Chấn Lữ (đê tả sông Vó), xã Ninh Vân.	7949754	01/06/2022 - 12/2024	370 - 29/3/2022; 1931 - 31/12/2022 của UBND huyện Hoa Lư	11 700	11 700	179	179						Dự án dân dụng		
II CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN																
1	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	8040637	2023-2025	80/NQ-HĐ 12/7/2023; 978/QĐ-UB 21/11/2023	21 641	21 641	1.632	1 632						Dự án dân dụng		
2	Xây dựng hạ tầng đường giao thông xung quanh trường Đại học Hoa Lư cơ sở mới, thành phố Hoa Lư	8151048	2025-2027	1484/QĐ-UBND 17/3/2025	90 896	90 896	42.028	42 028						Dự án dân dụng		
3	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Trịnh Tú, thành phố Hoa Lư	8161148	2 025	4503/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND thành phố	6 800	6 800	1.073	1 073						Dự án dân dụng		
4	Xử lý cấp bách nạo vét, xây kè tuyến kênh tiêu thoát lũ nội bộ và sông Đam Khê, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư.	7877385	Khởi công 2021 Đang xin gia hạn dự án	Số 1441, ngày 26/11/2020; số 903, ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh Ninh Bình	30 000	6 000	754	754						Dự án dân dụng		
5	Xây dựng Quảng trường và Tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình.	7135626	2009-2024	1360/QĐ-UB 04/10/2020; 1013/QĐ-UB 15/4/2021	1 395 395	490 330	17.686	17 686						Dự án dân dụng		
6	Xây dựng mở rộng khu điều trị cho bệnh nhân của Trung tâm Ung bướu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	8092776	2024-2026	33/NQ-HĐ 07/6/2024; 1030/QĐ-UB 15/11/2024	20 000	18 000	10.181	10 181						Dự án dân dụng		
7	Mở rộng khuôn viên và xây mới đơn nguyên Khoa Sản - Khoa Dược - Nhà mổ của Trung tâm Y tế huyện Yên Mô	8026233	2023-2025	50/NQ-HĐ 26/4/2023; 1003/QĐ-UB 29/11/2023	18 000	18 000	4.399	4 399						Dự án dân dụng		
8	Xây dựng đơn nguyên khoa Cấp cứu - Nhà mổ - Khoa ngoại của Trung tâm Y tế thành phố Tam Điệp	8026292	2023-2025	51/NQ-HĐ 26/4/2023; 1017/QĐ-UB 01/12/2023	14 950	14 950	662	662						Dự án dân dụng		
9	Xây dựng công viên Vườn Ngũ, phường Nam Thành	8032123		6038-17/11/2023; 4894-03/12/2024; 4083 -28/5/2025	22 390	22 390	800	800						Dự án dân dụng		

(Kèm theo Văn bản số 1080/BQL-KHTC ngày 12/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

Phòng phụ	C
--------------	---

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo						Phòng phụ trách	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026				
											Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)			
	Cải tạo, sửa chữa khu Nhà thi đấu Thể dục thể thao tỉnh Ninh Bình	8026230	2023-2026	175/QĐ-UB 07/2/2024; 804/QĐ-UB 30/6/2025	85 000	85 000	20 000		20 000						Dự án dân dụng		
A.2	KẾ HOẠCH VỐN KÉO DÀI				1 531 927	1 442 927	115 548	115 548									
I	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH																
1	Xây dựng tuyến đường liên thôn Yên Đồng - Khánh Ninh - Đoài Khê - Lang Ca, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	7809498		1162/QĐ-UBND ngày 09/8/2019	4 673	4 673	159	159								Dự án hạ tầng đô thị	
2	Xây dựng trụ sở làm việc và các phòng chức năng Trường Chính trị tỉnh	7951348	2022-2025	14/NQ-HĐ 30/3/2022; 804/QĐ-UB 16/9/2022	97 709	97 709	4 253	4 253								Dự án dân dụng	
3	Mua sắm trang thiết bị và xây dựng một số hạng mục phụ trợ Trường Chính trị tỉnh Ninh Bình	8019486	2023-2025	05/NQ-HĐ 10/3/2023; 597/QĐ-UB 25/7/2023	33 000	33 000	1 892	1 892								Dự án dân dụng	
II	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN																
1	Xây dựng, cải tạo trường THPT Đinh Tiên Hoàng, thành phố Ninh Bình	8040636	2023-2025	81/NQ-HĐ 12/7/2023; 977/QĐ-UB 21/11/2023	38 939	38 939	1 482	1 482								Dự án dân dụng	
2	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Tạ Uyên đạt chuẩn quốc gia	8040638	2023-2025	78/NQ-HĐ 12/7/2023; 1105/QĐ-UB 28/12/2023	37 789	37 789	3 398	3 398								Dự án dân dụng	
3	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Yên Khánh B	8040635	2023-2025	79/NQ-HĐ 12/7/2023; 1021/QĐ-UB 05/12/2023	33 096	33 096	3 140	3 140								Dự án dân dụng	
4	Xây dựng trường mầm non Tân Bình Khu lẻ (B), thành phố Tam Điệp	8033195		959/QĐ-UBND ngày 05/07/2023	20 000	20 000	895	895								Dự án hạ tầng đô thị	
5	Xây dựng kênh kết hợp đường Vạn Hạnh (giai đoạn I)	7528716	2015-2024	307/QĐ-UB 31/3/2022; 579/QĐ-UB 05/7/2024	840 290	840 290	26 543	26 543								Dự án hạ tầng đô thị	
6	Tuyến đường phát triển kinh tế - xã hội từ trung tâm hành chính xã Ninh Vân đi các thôn Đồng Quan và Xuân Vũ	8117170	2023-2025	122/NQ-HĐ 08/12/2023; 958/QĐ-UB 31/10/2024	25 000	25 000	19 364	19 364								Dự án hạ tầng đô thị	
7	Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường trục chính và hệ thống thoát nước chống ngập thành phố Tam Điệp	7929638	2021-2026	1181/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	100 000	25 000	6 892	6 892								Dự án hạ tầng đô thị	
8	Nâng cấp đường giao thông và kênh tiêu thoát nước Lương Quận Công, phường Tân Bình	8021372		638/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	9 500	9 500	849	849								Dự án hạ tầng đô thị	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo						Phòng phụ trách	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026				
											Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)			
9	Xây dựng cầu qua sông Hệ và tuyến đường dân sinh đến đường Quốc lộ 1 tránh thành phố Ninh Bình, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư	7933238	2022-2025	1304, ngày 24/11/2021 của UBND tỉnh Ninh Bình	35 000	21 000	4 396	4 396							Dự án hạ tầng đô thị		
10	Xây dựng tuyến đường Đinh Huy Đạo, phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp	8034863		918/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	8 000	8 000	545	545							Dự án hạ tầng đô thị		
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước khu dân cư tổ 1 và tổ 2 phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp	8021340		727/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	7 000	7 000	75	75							Dự án hạ tầng đô thị		
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước khu dân cư tổ 4 và tổ 6 phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp	8021342		699/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	6 397	6 397	275	275							Dự án hạ tầng đô thị		
13	Xây dựng vỉa hè và hệ thống điện chiếu sáng đường Đám Khánh, Phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp	8021363		606/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	7 000	7 000	507	507							Dự án hạ tầng đô thị		
14	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị trực thuộc	7619219	2014-2022	418/QĐ-UB 13/4/2021; 320/QĐ-UB 05/4/2022	85 740	85 740	10 880	10 880							Dự án hạ tầng đô thị		
15	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	8019484	2023-2026	701/QĐ-UB 31/8/2023; 397/QĐ-UB 08/5/2024	30 000	30 000	4 461	4 461							Dự án dân dụng		
16	Sửa chữa nhà đa năng Trung tâm Hội nghị tỉnh	8019481	2023-2025	14/NQ-HĐ 10/3/2023; 502/QĐ-UB 29/6/2023	30 000	30 000	1 958	1 958							Dự án hạ tầng đô thị		
17	Xây dựng trụ sở trung tâm y tế huyện Kim Sơn (Giai đoạn I)	8082931	2024-2026	13/NQ-HĐ 03/4/2024; 612/NQ-UB 12/7/2024	48 000	48 000	9 159	9 159							Dự án hạ tầng đô thị		
18	Mở rộng khuôn viên và xây mới đơn nguyên Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng - Khoa Y tế công cộng của Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh	8026229	2023-2025	53/NQ-HĐ 26/4/2023; 1067/QĐ-UB 18/12/2023	17 994	17 994	6 561	6 561							Dự án dân dụng		
19	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng trụ sở Trung tâm Y tế huyện Nho Quan	8098591	2024-2026	42/NQ-HĐ 10/7/2024; 986/QĐ-UB 08/11/2024	16 800	16 800	7 864	7 864							Dự án dân dụng		

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC DỰ ÁN DO ĐỒNG CHÍ PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN QUANG VINH PHỤ TRÁCH

(Không bao gồm các dự án đã quyết toán, số liệu tính đến ngày 30/4/2026)
(Kèm theo Văn bản số 100/BQL-KHTC ngày 12/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định dự án đầu tư/ Quyết định chủ trương/ Văn bản đề xuất			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lấy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026				
												Tổng số	Tỉ lệ (%)			Tổng số
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG				5 755 183	3 257 262	807 651	566 651	241 000	18 025			18 025	7		
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				2.211.098	1.708.739	255.984	96.984	159.000	-	-		-		-	
*	Dự án hoàn thành chờ quyết toán						-			-						
1	Xây dựng cầu Hồi Thuận phục vụ cứu hộ, cứu nạn ngoại ô Hồi Thuận, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	7886982	2020-2025	447/QĐ-UBND ngày 26/4/2021; 417/QĐ-UBND ngày 11/04/2025	14 735	14 735	23	23		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
2	Xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn phục vụ dân cư, phát triển KT-XH Yên Thái	7929342	2021-2025	1280/QĐ-UBND 19/11/2021	20 000		2.917	2 917		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường xã Yên Lâm, huyện Yên Mô.	7845334	2019-2025	2273/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	14 950		199	199		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
4	Xây dựng tuyến đường giao thông từ đường ĐT 480C đi thôn Yên Dương, xã Khánh Dương	7793332	2020-2021	2235/QĐ-UBND 12/11/2019	6 945		53	53		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
5	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn xã Yên Thái, huyện Yên Mô	7853077	12/2020-2025	615/QĐ-UBND 28/01/2025	5 066		133	133		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
*	Dự án đang triển khai thực hiện						-			-						
1	Xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn phục vụ phòng chống lụt bão đoạn từ Quốc lộ 10 đến đê Hữu Đáy, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	8047877	2023-2026	490/QĐ-UBND ngày 05/06/2024	150 000	150 000	50.000		50.000	-		-		-	Dự án nông nghiệp 2	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường B6, B7 (giai đoạn I tuyến B7) đoạn từ đê Bình Minh III nối Quốc lộ 12B, xã Kim Đồng, huyện Kim Sơn	8047878	2023-2025	1061/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	195 000	195 000	50.000		50.000	-		-		-	Dự án nông nghiệp 2	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Việt Nhật đến cống Phát Diệm và tuyến đường trục 2 xóm Mỹ Chính, Mỹ Hoà xã Kim Mỹ	7966922	2022-2025	5328/QĐ-UBND ngày 03/08/2022	170 000	170 000	30.000		30.000	-		-		-	Dự án nông nghiệp 2	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường BM3 đoạn từ cống C10 đến cống CT2 xã Kim Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	8082930	2023-2025	843/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	70 000	70 000	15.000		15.000	-		-		-	Dự án nông nghiệp 2	
5	Xây dựng cầu qua sông Cà Mau xã Kim Mỹ và cầu qua sông Quạt xã Kim Định, huyện Kim Sơn	8082926	2023-2025	607/QĐ-UBND ngày 10/07/2024	60 000	60 000	5.000		5.000	-		-		-	Dự án nông nghiệp 2	
6	Xây dựng tuyến đường vành đai thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô	7933495	2023-2025	Số 575/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	254 289	254 289	5.000		5.000	-		-		-	Dự án nông nghiệp 2	
7	Nâng cấp tuyến đê Cầu Đẳng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	8102387	2023-2026	685/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	43 500	43 500	3.000		3.000	-		-		-	Dự án nông nghiệp 2	
8	Nâng cấp hệ thống kênh tiêu Thành Hồ, xã Yên Thái, huyện Yên Mô	8086973	2023-2026	Số 425/QĐ-UBND 14/5/2024	47 000		3.180	3 180		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT481B (đoạn từ đường Quốc lộ 21B đến ngã ba đường đi đò Đức Hậu)	7920025	2021-2025	1276/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; 574/QĐ-UBND ngày 03/07/2024; 378/QĐ-UBND ngày 01/04/2025	75 155	75 155	20.277	20 277		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
10	Đường cứu hộ, cứu nạn chống tràn thoát lũ từ trung tâm 6 xã Tiểu khu I ra đê Hữu sông Đáy, huyện Kim Sơn	7281487	2010-2025	551/QĐ-UBND ngày 02/06/2010; 464/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	390 000	390 000	30.000	30 000		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
11	Tuyến đường phát triển kinh tế - xã hội liên xã Khánh Thượng và xã Mai Sơn, huyện Yên Mô	8051882	2023-2025	Số 841/QĐ-UBND 13/10/2023	79 900		12.646	12 646		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
12	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 12B đến trung tâm thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn	7933643	2021-2025	1385/QĐ-UBND ngày 10/12/2021; 294/QĐ-UBND ngày 03/03/2025	152 560	152 560	10.075	10 075		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
13	Xây dựng hệ thống giao thông phát triển kinh tế xã Yên Nhân, huyện Yên Mô	8108006	2023-2025	Số 806/QĐ-UBND 26/9/2024	18 000		4.692	4 692		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
14	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng lũ các xã Yên Phú, Yên Mỹ đến sông Bút, hồ Yên Thắng, huyện Yên Mô	7326588	2010-2025	478/QĐ-UBND 23/5/2022	234 045		8.260	8 260		-		-			Dự án nông nghiệp 2	
15	Nâng cấp tuyến đường đến trung tâm các xã Yên Nhân, Yên Từ, Yên Lâm để về đích các xã nông thôn mới kiểu mẫu, giai đoạn I	7929636	2021-2026	377/QĐ-UBND 01/4/2025	68 000		1.930	1 930		-		-			Dự án nông nghiệp 2	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định dự án đầu tư/ Quyết định chủ trương/ Văn bản đề xuất			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026					
											Kế hoạch đầu tư công năm 2026					
										Tổng số	Ti lệ (%)	Tổng số	Ti lệ (%)			
16	Đường giao thông liên xã phục vụ phát triển KT-XH các xã Yên Phong, thị trấn Yên Thịnh và xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô (GDII)	7931331	2021-2023	1317/QĐ-UBND 26/11/2021	27 000	23 500	2.000	2 000	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
17	Xây dựng tuyến đường phía sau UBND thị trấn đến hông chợ Ngõ, thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô	7764488	2019-2024	1463/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	4 953		600	600	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư						-		-	-	-	-	-	-		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục chính xã Yên Lâm, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	8165185	2023-2026	133/NQ-HĐ 08/12/2023; 2183/QĐ-UB 31/12/2025	110 000	110 000	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-		
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG LÂM, DIỄM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				2 876 708	1 092 990	467 863	405 863	62 000	18 025			18 025	29,1		
*	Dự án hoàn thành chờ quyết toán						-		-	-	-	-	-	-		
1	Nâng cấp kênh kết nối kênh sông Đò với kênh Từ Đường, xã Yên Thái	7979582	2022-2025	4669/QĐ-UBND 4/9/2022	14 950		203	203	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
2	Cải tạo, nâng cấp kênh Thanh Niên trạm bơm Đầm Khánh, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô	7871607	2020-2021	3729/QĐ-UBND 05/10/2020	14 955		516	516	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
3	Nâng cấp kênh kết nối giữa kênh Đa Tân và kênh Cống Hộc, xã Yên Hòa	7960522	2022-2024	3235/QĐ-UBND 14/6/2022	14 900		800	800	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
4	Xử lý cấp bách đề tà sông Điện Biên, xã Khánh Thượng	8036099	16/8/2023-16/2/2025	3344/QĐ-UBND 04/7/2023	13 500		399	399	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
5	Xây dựng trạm bơm Đầm Đa, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô	7567549		591/QĐ-UBND ngày 06/5/2016	14 943		55	55	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
6	Nạo vét kênh tiêu Đồng Mo, xã Yên Mạc - Yên Lâm, huyện Yên Mô	7432839		2763/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	5 670		328	328	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
7	Xử lý cấp bách đề hữu sông Vạc, đoạn từ ngã ba Sông Bút đến cống Sáu Thôn, xã Yên Nhân	8032899		3098/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	14 500		1.051	1 051	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
	Dự án đang triển khai thực hiện						-		-	-	-	-	-	-		
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn xã Yên Từ - Yên Phong	7979583	2022-2025	4670/QĐ-UB 04/10/2022; 830/QĐ-UB 19/02/2025	14 990	14 990	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-		
2	Nâng cấp cống Sa Bò kết hợp làm đường nội đồng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa của các xã: Yên Phong, Khánh Thịnh và thị trấn Yên Thịnh	8180007	2023-2026	812/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	60 000	60 000	5.000	5.000	4.000				4.000	80,0	Dự án nông nghiệp 2	
3	Mở rộng, nâng cấp bờ vùng Bắc Rịa đảm bảo phòng chống lụt bão cho 3 xã Hữu sông Hoàng Long, huyện Gia Viễn và một số xã huyện Nho Quan	8081191	2023-2026	995/QĐ-UBND; 10/11/2024	160 000	160 000	50.000	50.000	14.025				14.025	28,0	Dự án nông nghiệp 2	
4	Nạo vét, xây kè, bảo tồn cảnh quan sông Sáo Khế, thuộc khu di tích lịch sử Cỏ đỏ Hoa Lư	7041978	2001-2016	1469/QĐ-UB 02/12/2009 ; 110/QĐ-UBND 24/02/2014; 1158/QĐ-UBND 24/10/2025	1 655 300		399.512	399 512	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
5	Nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Ba Bầu, xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô	8042542	2023-2025	670/QĐ-UBND 16/8/2023	35 000		3.000	3 000	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư						-		-	-	-	-	-	-		
1	Nâng cấp âu thuyền sông Chanh	8160379	2025-2027	730/QĐ-UBND; 27/6/2025 (CTĐT)	120 000	120 000	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
2	Nâng cấp tuyến đê Tả sông Ghênh, đoạn từ trạm bơm Yên Phú đến cầu Yên Hưng	8160377	2025-2027	731/QĐ-UB 27/6/2025 (CTĐT)	25 000	25 000	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
3	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống trạm bơm trên địa bàn tỉnh	8160372	2025-2027	728/QĐ-UBND 27/6/2025 (CTĐT)	157 000	157 000	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
4	Kiến cổ hoá hệ thống kênh dẫn tưới tiêu phục vụ nuôi trồng thủy sản 3 xã vùng kinh tế biển huyện Kim Sơn	8160369	2025-2028	736/QĐ-UBND 27/6/2025 (CTĐT)	406 000	406 000	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
5	Đầu tư xây dựng, nâng cấp hồ điều tiết cống thượng lưu C10, huyện Kim Sơn, giai đoạn II	8082927	2023-2026	149/NQ-HĐND 08/12/2023	150 000	150 000	1.000	1.000	-	-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
III	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT				559 644	386 543	79 935	59 935	20 000			-		-		
*	Dự án hoàn thành chờ quyết toán						-		-	-	-	-	-	-		
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư xóm 13, xã Kim Tân, huyện Kim Sơn	8036728	2022-2025	6569/QĐ-UB 13/07/2023; 9732/QĐ-UB 27/11/2023; 8200/QĐ-UB 24/12/2024	101 371	101 371	148	148		-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
2	Đầu tư xây dựng CSHT khu trung tâm thể dục thể thao kết hợp công viên cây xanh tại thị trấn Yên Thịnh, huyện Yên Mô	7793323	2020-2024	2429/QĐ-UBND 07/5/2024	33 661		1.446	1 446		-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất cây hàng hóa xã Yên Phong, huyện Yên Mô	7940864	2 021-2025	5961/QĐ-UBND 20/12/2022	14 500		144	144		-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	
4	Trụ sở UBND huyện Yên Mô, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 02 tầng, nhà làm việc 03 tầng và các hạng mục phụ trợ	8025286	2022-2025	277/QĐ-UBND 20/01/2025	2 423		285	285		-	-	-	-	-	Dự án nông nghiệp 2	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định dự án đầu tư/ Quyết định chủ trương/ Văn bản đề xuất			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026							
											Tổng số	Ti lệ (%)	Tổng số			Ti lệ (%)
5	Mở rộng nghĩa trang liệt sỹ huyện Yên Mô	7733887	2018-2025	2916/QĐ-UBND 22/4/2025	6 608		400	400		-	-			Dự án nông nghiệp 2		
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng đầu giá giá trị quyền sử dụng đất tại xã Yên Phong, huyện Yên Mô	8027985	2 024	2750/QĐ-UBND 19/5/2023	23 009		79	79		-	-			Dự án nông nghiệp 2		
*	Dự án đang triển khai thực hiện						-			-						
1	Xây dựng vỉa hè đường QL21B đoạn từ xã Quang Thiện đến xã Tân Thành, huyện Kim Sơn	8082925	2022-2025	648/QĐ-UBND ngày 18/02/2025	28 684	28 684	5.000	5.000		-		-	-	Dự án nông nghiệp 2		
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước ngọt từ sông Vạc đến các xã, thị trấn thuộc tiểu khu III, IV, V và khu vực ngoài đê Bình Minh II, huyện Kim Sơn	8082928	2023-2026	1000/QĐ-UBND ngày 10/11/2024	70 000	70 000	15.000	15.000		-		-	-	Dự án nông nghiệp 2		
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư nông thôn mới 3 xã Tân Thành, Yên lộc, Định Hoá (giai đoạn 1)	8032693	2022-2025	4022/QĐ-UBND ngày 14/06/2023; 8201/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	186 488	186 488	44.335	44 335		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
4	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật vùng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm 4 vụ/năm ở các xã Yên lâm - Yên Mạc - Yên Thái	8086838	2023-2026	Số 424/QĐ-UBND 14/5/2024	30 000		2.979	2 979		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
5	Cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống điện chiếu sáng đô thị kết hợp khung vòm trang trí một số tuyến phố chính đoạn từ ngã ba Mai Sơn đến cầu Kiệt, thị trấn Yên Thịnh	8120214	01/2025-12/2025	5730/QĐ-UBND, ngày 27/11/2024	14 950		6.305	6 305		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
6	Cải tạo cảnh quan, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu vực trung tâm thị trấn Yên Thịnh (đoạn từ ngã ba ngõ đến công an huyện)	8130072	2024-2026	155/QĐ-UBND 16/01/2025	14 950		1.047	1 047		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
7	xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng Yên Đồng, huyện Yên Mô (Giai đoạn II)	8041698	2023-2025	Số 575/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	33 000		2.767	2 767		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC				107 733	68 990	3 869	3 869				-				
*	Dự án hoàn thành chờ quyết toán						-			-						
1	Xây dựng trường mầm non Lưu Phương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	7986177	2021-2025	7847/QĐ-UBND ngày 29/11/2021; 6656/QĐ-UBND ngày 05/10/2022; 419/QĐ-UBND ngày 17/01/2023; 2726/QĐ-UBND ngày 14/05/2024; 6382/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	43 990	43 990	203	203		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
2	Xây dựng trường mầm non khu trung tâm xã Yên Đồng, hạng mục: Nhà hiệu bộ kết hợp khu phòng học chức năng, nhà dinh dưỡng và các hạng mục phụ trợ	7886813	2021-2025	287/QĐ-UBND 24/01/2021	14 998		1.135	1 135		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
3	Trường THCS xã Yên Thái; Hạng mục: Xây dựng nhà học bộ môn 03 tầng 08 phòng, san lấp ao và công trình phụ trợ.	7931332	2020-2023	5333/QĐ-UBND 15/10/2021	10 245		1.136	1 136		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
4	Xây dựng trường mầm non khu Thống Nhất, xã Yên Đồng	7981655	2022-2024	4758/QĐ-UBND 14/10/2022	13 500		158	158		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
5	Cải tạo, nâng cấp trường THCS Lai Thành và các hạng mục phụ trợ	7966924	2022-2025	5321/QĐ-UBND ngày 02/8/2022; 8497/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	25 000	25 000	43	43		-		-		Dự án nông nghiệp 2		
6	Trường mầm non xã Khánh Thịnh, hạng mục: San lấp mặt bằng, nhà học 02 tầng 10 phòng, nhà dinh dưỡng, nhà bảo vệ và các hạng mục phụ trợ	7900840	2021-2025	Số 2685/QĐ-UBND ngày 17/5/2024	29 654		1.195	1.195		-		-		Dự án nông nghiệp 2		

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC DỰ ÁN DO ĐỒNG CHÍ PHÓ GIÁM ĐỐC NGUYỄN MẠNH THUY PHỤ TRÁCH

(Không bao gồm các dự án đã quyết toán, số liệu tính đến ngày 30/4/2026)

(Kèm theo Văn bản số 100/BQL-KHTC ngày 12/5/2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng số 1 tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định dự án đầu tư/ Quyết định chủ trương/ Văn bản đề xuất			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
											Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số			Tỉ lệ (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG				4.723.058	4.280.093	1.196.989	740.989	456.000	52.625	-	-	52.625	12		
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				1.289.398	986.650	203.664	86.664	117.000	10.071	-	-	10.071	9	-	
*	Dự án hoàn thành chờ quyết toán															
1	Xây dựng đường đến trung tâm 09 xã miền núi (chưa có đường ô tô) huyện Nho Quan(bao gồm các xã: Xích Thổ, Sơn Hà, Phú Sơn, Lạc Ván, Đức Long, Quỳnh Lưu, Sơn Lai, Gia Lâm và Yên Quang)	7289800	2010-2025	538/QĐ-UB 31/5/2010; 719/QĐ-UB 07/10/2011; 1116/QĐ-UB 27/12/2022	222 248		300	300		-	-				Dự án nông nghiệp 1	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã từ thôn 19, xã Khánh Trung đến xóm 9, xã Khánh Công	8117984	2024-2025	số 50/QĐ-UBND ngày 05/02/2025	14 800	14 800	635	635		-	-				Dự án nông nghiệp 1	
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường thôn Phú Hào, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh	8117985	2024-2025	51/QĐ-UBND ngày 05/2/2025	12 000	12 000	509	509		-	-				Dự án nông nghiệp 1	
4	Nâng cấp đường trục trung tâm xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan, tuyến Đồng Bài – Quảng Cư	8030938	2023-2025	QĐ số 1818/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	11 000		183	183		-	-				Dự án nông nghiệp 1	
*	Dự án đang triển khai thực hiện															
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh trung tâm thị trấn Nho Quan kết nối đường tỉnh ĐT.479 với Quốc lộ 12B trên trục giao thông chính đi các tỉnh vùng Tây Bắc (giai đoạn I)	7923714	2021-2025	744/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	178 850	178 850	50.000		50.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông liên xã Văn Phương, Cúc Phương, Kỳ Phú, huyện Nho Quan	8117761	2024-2026	7344/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	55 000	55 000	20.000		20.000	2.122			2.122	10,6	Dự án nông nghiệp 1	
3	Xây dựng tuyến đường liên xã Quảng Lạc - Phú Long, ổn định dân cư, phát triển kinh tế vùng núi đặc biệt khó khăn, huyện Nho Quan	8077181	2023-2025	QĐ 672/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	65 000	65 000	10.000		10.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
4	Xây dựng tuyến đường kết nối trung tâm xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình đi xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	8073854	2023-2025	QĐ 650/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	50 000	50 000	10.000		10.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
5	Xây dựng đường trục kết nối các xã Thạch Bình, Phú Sơn đi trung tâm thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan	7923713	2021-2025	QĐ 215/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 Điều chỉnh 197/QĐ-UBND ngày 27/02/2024	56 000	56 000	5.000		5.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
6	Hệ thống giao thông kết hợp chống ngập thị trấn Nho Quan	8027992	2023-2025	QĐ 801/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	70 000	70 000	5.000		5.000	949			949	19,0	Dự án nông nghiệp 1	
7	Đường kết nối đường tỉnh ĐT.479 với cầu vượt sông Bôi trên địa bàn các xã Gia Sơn, Gia Lâm huyện Nho Quan (giai đoạn I)	8077184	2023-2025	QĐ 544/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	45 000	45 000	5.000		5.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
8	Nâng cấp tuyến đường giao thông ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, kết nối thôn có đồng bào dân tộc Đức Thành - Hồng Quang đi trung tâm xã Xích Thổ, huyện Nho Quan	8073853	2023-2025	QĐ 893/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	45 000	45 000	5.000		5.000	4.000			4.000	80,0	Dự án nông nghiệp 1	
9	Nâng cấp đường liên xã Thanh Lạc - Sơn Thành, huyện Nho Quan	8075376	2023-2025	QĐ 751/QĐ-UBND ngày 06/9/2024	45 000	45 000	3.000		3.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định dự án đầu tư/ Quyết định chủ trương/ Văn bản đề xuất			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
											Tổng số	Ti lệ (%)	Tổng số			Ti lệ (%)
10	Chỉnh trang đường nội thị tuyến 16 (đoạn Tân Nhất – Đồng Tâm) trung tâm thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan	8001143	2023-2025	QĐ số 3147/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	25 000	25 000	3.000		3.000	3.000			3.000	100,0	Dự án nông nghiệp 1	
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.477C, đoạn từ Km4+300 (cầu Thống Nhất) đến Km9+800 (đê hữu Hoàng Long), huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	8053968	2023-2025	19/NQ-HĐ 10/3/2023; 834/QĐ-UB 11/10/2023	175 000	175 000	76.788	76 788	-	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
12	Nâng cấp đường kết nối tỉnh lộ ĐT.479 đi trung tâm xã Gia Sơn, huyện Nho Quan	8077183	2023-2025	QĐ số 923//QĐ-UBND ngày 28/10/2024	19 500		7.607	7 607	-	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
13	Đường lánh nạn 3 xã vùng phân lũ, chậm lũ Thượng Hòa - Thanh Lạc - Sơn Thành	7923711	2021-2023	1442/QĐ-UB ngày 27/12/2021	50 000		642	642	-	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư															
I	Đầu tư xây dựng giai đoạn I tuyến đường giao thông kết nối phân khu động vật hoang dã với tỉnh lộ 479C thuộc công viên động vật hoang dã quốc gia tại tỉnh Ninh Bình	8160374	2025-2027	685/QĐ-UBND 26/6/2025 (CTĐT); 325/QĐ-UB 04/2/2026	150 000	150 000	1.000		1.000				-	-	Dự án nông nghiệp 1	
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG LÂM, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				2 535 098	2 455 360	475 973	155 973	320 000	39 553			39 553	12		
*	Dự án hoàn thành chờ quyết toán															
1	Cải tạo, nâng cấp bờ hữu sông Tiên Hoàng thành đường cứu hộ, cứu nạn phòng chống thiên tai đoạn từ xóm 14 xã Khánh Mậu đến đường trục đi Ủy ban nhân dân xã Khánh Thủy, huyện Yên Khánh	8034068	2023-2025	1446/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 868/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2023	35 000	35 000	2 147	2 147	-	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
2	Nâng cấp kênh tiêu Trạm bơm Gia Lạc, xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	7551122		1242/QĐ-UBND ngày 23/9/2016	49 738		1 122	1 122	-	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
*	Dự án đang triển khai thực hiện															
1	Xây dựng CSHT phục vụ nuôi trồng thủy sản ở vùng chiêm trũng huyện Gia Viễn	7601628	2016-2025	1620/QĐ-UBND ngày 25/11/2016; 1022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	93 854	93 854	10.000		10.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
2	Nạo vét sông Đầm Vân, đoạn từ đường Bái Đình - Kim Sơn (xã Khánh Hải) đến cống Đầm Vân (xã Khánh Vân) kết hợp nâng cấp bờ sông thành đường cứu hộ, cứu nạn phục vụ phòng, chống thiên tai, huyện Yên Khánh	8076245	2023-2026	839/QĐ-UBND 04/10/2024	120 000	120 000	30.000		30.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
3	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Đông và hệ thống kênh xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn	8101629	2025-2026	678/QĐ-UBND 14/8/2024	68 000	68 000	15.000		15.000	5.229			5.229	34,9	Dự án nông nghiệp 1	
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống sông trục Hồng Giang từ đê sông Mới đê trục sông tiêu 5 xã huyện Yên Khánh	8160378	2025-2027	672/QĐ-UBND 25/6/2025 (CTĐT); 869/QĐ-UB 02/10/2025	50 000	50 000	20.000		20.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
5	Nạo vét cấp bách sông tiêu 6 xã phục vụ tưới tiêu liên huyện Yên Khánh - Kim Sơn, kết hợp nâng cấp bờ thành đường giao thông phòng chống thiên tai, huyện Yên Khánh	8043565	2023-2025	1011/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	100 000	100 000	8.000		8.000	610			610	7,6	Dự án nông nghiệp 1	
6	Nâng cấp sông trục cống thôn Năm và các công trình trên tuyến huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	8081190	2025-2027	1003/QĐ-UBND; 10/11/2024	120 000	120 000	50.000		50.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
7	Nâng cấp đường và hệ thống kênh tiêu trạm bơm Gia Minh xã Gia Minh huyện Gia Viễn (giai đoạn 2)	8160375	2025-2027	671/QĐ-UB 25/6/2025 (CTĐT); 1372/QĐ-UB 07/11/2025	159 000	159 000	70.000		70.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	
8	Đường gat lũ kết hợp giao thông liên xã Lạc Vân - Gia Tường, huyện Nho Quan	8077182	2023-2025	QĐ 488 /QĐ-UBND ngày 05/6/2024	25 000	25 000	3.000		3.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định dự án đầu tư/ Quyết định chủ trương/ Văn bản đề xuất			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT												
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó						
								KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026				
Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số	Tỉ lệ (%)														
9	Nâng cấp tuyến đê Năm Căn (đoạn từ cầu Nho Quan đến cầu Sui) kết hợp giao thông và phòng chống thiên tai, bảo vệ khu dân cư 5 xã và thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan	8075378	2023-2027	QĐ 994/QĐ-UBND ngày 10/11/2024	150 000	150 000	30.000		30.000	28.000				28.000	93,3	Dự án nông nghiệp 1	
10	Xây dựng hệ thống chủ động xả lũ tràn Đức Long, huyện Nho Quan	8027991	2023-2025	1010/QĐ-UB 30/11/2023	90 000	90 000	10.000		10.000	-				-	-	Dự án nông nghiệp 1	
11	Xây dựng trạm bơm Sây, xã Sơn Thành, huyện Nho Quan	8027989	2023-2025	QĐ số 943/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	50 000	50 000	10.000		10.000	-				-	-	Dự án nông nghiệp 1	
12	Nâng cấp đê Nam sông Rịa, đê sông Bến Đang đảm bảo ứng cứu, phòng, chống thiên tai, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội các xã phía Đông Nam, huyện Nho Quan	8041914	2023-2026	QĐ số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	180 000	180 000	38.564	8 564	30.000	-				-	-	Dự án nông nghiệp 1	
13	Xây dựng cấp bách trạm bơm Tứ Mỹ - Ráng phục vụ phòng chống thiên tai và sản xuất nông nghiệp xã Lạc Vân, và xã Thường Hòa huyện Nho Quan	8030937	2023-2025	QĐ số 3992/QĐ-UBND ngày 26/12/2023	30 000	30 000	5.000		5.000	-				-	-	Dự án nông nghiệp 1	
14	Kiên cố hoá bờ kết hợp đường giao thông trục ngòi 30 đoạn từ đê sông Vạc đến đường 481B huyện Yên Khánh	8160373	2025-2027	684/QĐ-UB 25/6/2025 (CTĐT); 1199/QĐ-UB 28/10/2025	75 000	75 000	20.000		20.000	-				-	-	Dự án nông nghiệp 1	
15	Xây dựng công điều tiết nước và đê bao kết hợp đường giao thông khu vực hầm chui tổ dân phố 12, phường Tân Bình	8160371	2025-2027	729/QĐ-UB 27/6/2025 (CTĐT); 1287/QĐ-UB 31/10/2025	19 730	19 730	6.000		6.000	5.714				5.714	95,2	Dự án nông nghiệp 1	
16	Kiên cố hóa kênh tưới, tiêu kết hợp đường cứu hộ cứu nạn từ đường 481C đến đê sông Đáy xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh	8076246	2023-2026	Số 681/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	70 000	70 000	40.119	40.119		-				-		Dự án nông nghiệp 1	
17	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Gia Trấn, huyện Gia Viễn	8117153	2024-2026	87/NQ-HĐND 30/10/2024; 84/QĐ-UBND 23/01/2025	60 000	60 000	42.591	42 591		-				-		Dự án nông nghiệp 1	
18	Cải tạo nâng cấp tuyến đê bao sông Hoàng Long Cút (giai đoạn 1)	8101630	2024-2026	680/QĐ- UBND ngày 14/8/2024	70 000	70 000	36.653	36 653		-				-		Dự án nông nghiệp 1	
19	Cải tạo nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Gia Tân và hoàn thành cơ sở hạ tầng về đích nông thôn mới các xã Gia Tân, Gia Lập, huyện Gia Viễn	8101631	2024-2026	682/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	50 000	50 000	16.399	16 399		-				-		Dự án nông nghiệp 1	
20	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu trạm bơm Gia Viễn và mở rộng hệ thống tưới tiêu các xã phía Đông trạm bơm Gia Viễn huyện Gia Viễn (giai đoạn I)	7485942	2014-2022	719/QĐ-UBND ngày 16/9/2014, 1042/QĐ-UBND ngày 8/8/2017; 1667/QĐ-UBND ngày 06/12/2017	477 076	477 076	5.587	5 587		-				-		Dự án nông nghiệp 1	
21	Xây dựng Trạm bơm Tràng An, xã Văn Phong, huyện Nho Quan	8027990	2023-2025	1012/QĐ-UB ngày 30/11/2023	30 000		2.074	2 074		-				-		Dự án nông nghiệp 1	
22	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cống trên tuyến đê sông Mới phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn huyện Yên Khánh	8122238	2024-2025	1201/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	3 700	3 700	718	718		-				-		Dự án nông nghiệp 1	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư																
1	Xử lý hệ thống thoát lũ, chống sạt lở sau tràn hồ Đập Trời, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	8075377	2023-2026	142/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	39 000	39 000	1.000		1.000	-				-		Dự án nông nghiệp 1	
2	Đầu tư khép kín tuyến đập chính và hoàn thiện đồng bộ các hạng mục phụ trợ Hồ Thường Xung	8160376	2025-2028	732/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	175 000	175 000	1.000		1.000	-				-		Dự án nông nghiệp 1	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định dự án đầu tư/ Quyết định chủ trương/ Văn bản đề xuất			Tổng kế hoạch vốn được giao năm 2026			Lũy kế giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 từ đầu năm đến thời điểm báo cáo				Phòng phụ trách	Ghi chú		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr.đó: Ngân sách cấp tỉnh		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026	Kế hoạch đầu tư công năm 2026		KHV 2025 kéo dài sang năm 2026		Kế hoạch đầu tư công năm 2026				
											Tổng số	Tỉ lệ (%)	Tổng số			Tỉ lệ (%)	
3	Xây dựng hệ thống chủ động xả lũ tràn Gia Tường, huyện Nho Quan	8160370	2025-2027	735/QĐ-UBND 27/06/2025 (CTĐT); 1826/QĐ-UB 14/12/2025	145 000	145 000	1.000		1.000	-			-	-	Dự án nông nghiệp 1		
III	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT				898 562	838 083	517 352	498 352	19 000	3 000			3 000	16			
	Dự án hoàn thành chờ quyết toán																
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại khu dân cư Tam và Tứ Tư Điền, xã Khánh Nhac (giai đoạn 2)	8003446	2022-2025	4159/QĐ-UBND ngày 28/11/2023; 141/QĐ-UBND ngày 20/02/2024; 189/QĐ-BQL ngày 25/4/2024; 41/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	95 400	95 400	145	145		-			-			Dự án nông nghiệp 1	
5	Di chuyển đường điện 110kv phục vụ xây dựng đường trục khu Quảng trường, nhà văn hóa trung tâm huyện và chỉnh trang khu Quảng Trường	7937274	2021-2024	1577QĐ-UBND ngày 27/7/2022	50 000		720	720		-			-			Dự án nông nghiệp 1	
7	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Đồng Tâm, xã Cúc Phương	7902877	2022-2025	QĐ số 1282/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	10 479		354	354		-			-			Dự án nông nghiệp 1	
*	Dự án đang triển khai thực hiện																
1	Xây dựng hệ thống chiếu sáng, vỉa hè, rãnh thoát nước đường ĐT.477 đoạn từ Km1+500 (nhà máy xi măng The Vissai) đến Km8+000 (Ngã ba đường tránh thị trấn Me), huyện Gia Viễn	8101219	2023-2025	2029/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	60 433	60 433	5 000		5.000	-			-	-		Dự án nông nghiệp 1	
2	Di chuyển đường điện 35kv và nâng cấp đường trục khu xây dựng Quảng Trường, Nhà văn hóa trung tâm huyện	7929937	2022-2025	QĐ 813/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	121 750	121 750	10 000		10.000	-			-	-		Dự án nông nghiệp 1	
3	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng hội trường, quảng trường, sân thể thao, cây xanh trung tâm huyện Nho Quan	7967555	2022-2025	QĐ số 1065/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	60 000	60 000	3 000		3.000	3.000			3.000	100,0		Dự án nông nghiệp 1	
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Công viên động vật hoang dã Quốc gia tại tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	8157746	2025-2026	476/QĐ-UBND ngày 23/5/2025; 1726/QĐ-UB 06/12/2025	500 500	500 500	498 134	497 134	1.000	-			-	-		Dự án nông nghiệp 1	